

Bài 25. Lộ ý môn bình nhật _ đặc biệt (tiếp theo) **Về lộ đặc thiên và lộ nhập thiên**

1. Lộ đặc thiên (*Ādikammikajhānavīthi*)

Lộ đặc thiên của người trì căn và lợi căn.

Diễn trình như sau:

- *Người trì căn có sát na chuẩn bị:*
 - Hữu phần rung động (1) --> Hữu phần dứt dòng (1) --> Khai ý môn (1) --> Chuẩn bị (1) --> Cận hành (1) --> Thuận thứ (1) --> Chuyển tộc (1) --> Thiên chứng (1) --> tái diễn Hữu phần tiềm thức.
- *Người lợi căn không có sát na chuẩn bị:*
 - Hữu phần rung động (1) --> Hữu phần dứt dòng (1) --> Khai ý môn (1) --> Cận hành (1) --> Thuận thứ (1) --> Chuyển tộc (1) --> Thiên chứng (1) --> tái diễn Hữu phần tiềm thức.

Nhận xét:

Có 18 thiên chứng, là 9 thiên đạo đại và 9 tổ đạo đại. Hạng thánh hữu học và phạm tam nhân đặc thiên thiện, bậc A la hán đặc thiên tổ.

Lộ đặc thiên thiện có 2 chặng là khai môn và đồng lực (gồm đồng lực dục giới và đồng lực kiên cố) _ có 6 chặng là sát na khai ý môn, sát na chuẩn bị, sát na cận hành, sát na thuận thứ, sát na thiên chứng; Hoặc 5 chặng

là không có sát na chuẩn bị _ có 3 thứ tâm là 1 tâm khai ý môn, 1 trong 4 tâm đại thiện hợp trí và 1 trong 9 tâm thiện đạo đại.

Lộ đặc thiên tổ có 2 chặng _ có 6 hoặc 5 chặng _ có 3 thứ tâm là 1 tâm khai ý môn, 1 trong 4 tâm đại thiện hợp trí và 1 trong 9 tâm thiện đạo đại.

2. Lộ nhập thiên (*Jhānasamāpattivīthi*)

Lộ nhập thiên của người trì căn và lợi căn.

Diễn trình như sau:

- *Người trì căn có sát na chuẩn bị:*

- Hữu phần rung động (1) --> Hữu phần dứt dòng (1) --> Khai ý môn (1) --> Chuẩn bị (1) --> Cận hành (1) --> Thuận thứ (1) --> Chuyển tộc (1) --> Tâm thiện sanh vô số sát na --> tái diễn Hữu phần tiềm thức.

- *Người lợi căn không có sát na chuẩn bị:*

- Hữu phần rung động (1) --> Hữu phần dứt dòng (1) --> Khai ý môn (1) --> Cận hành (1) --> Thuận thứ (1) --> Chuyển tộc (1) --> Tâm thiện sanh vô số sát na --> tái diễn Hữu phần tiềm thức.

Nhận xét:

Có 18 thứ thiên nhập, là 9 thiện đạo đại và 9 tổ đạo đại. Hạng phàm tam nhân và thánh hữu học nhập thiên thiện, bậc A la hán nhập thiên tổ.

Lộ nhập thiên thiện có 2 chặng là khai môn và đồng lực (gồm đồng lực dục giới và đồng lực kiên cố) _ không thể tính chặng tâm vì nhập thiên nên tâm thiện sanh vô số sát na _ có 3 thứ tâm trong lộ nhập thiên thiện này là 1 tâm khai ý môn, 1 trong 4 tâm đại thiện hợp trí và 1 trong 9 tâm thiện nhập thiên đạo đại.

Lộ nhập thiền tổ có 2 chặng _ vô số chặng tâm _ có 3 thứ tâm trong lộ này là 1 tâm khai ý môn, 1 trong 4 tâm đại tổ hợp trí và 1 trong 9 tâm thiền nhập tổ đạo đại.

Bài học tiếp theo: **Bài 26. Lộ ý môn bình nhật _ đặc biệt (tiếp theo)**
Về lộ nhập thiền cơ và lộ hiện thông

Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu

KHÔNG VUI NHƯNG NÊN HỌC

Nên Đặc Biệt Lưu Ý Thuật Ngữ Thiền

Trong lúc chữ “thiền” được xài với nhiều nghĩa ở Trung Hoa, Nhật Bản, Việt Nam ... thì chữ “thiền” tại các xứ Phật giáo Nam Truyền theo Tam Tạng Pāli, đặt biệt là theo Thắng Pháp, thì mang ý nghĩa chuyên biệt hơn.

Thiền là Phạm âm của jhāna (người Trung Hoa đọc là “chan”; người Nhật đọc là Zen). Jhāna theo Thắng Pháp đặc biệt nói về tâm định cao với các thiền chi như tầm, tứ, hỷ, lạc, định. Những chi thiền này khi được phát triển thuần thực sẽ áp đảo được năm ngăn ngại nội tâm (năm pháp cái) là tham dục, sân độc, hôn thụy, trạo hối, giao động. Nói một cách chuyên môn thì thiền trong Thắng Pháp là nói về thiền chỉ (samatha)

Trọng điểm của thiền – jhāna – là định lực và kết quả chứng thiền là sự thuần thực xuất nhập các tầng thiền. Thí dụ: trong đời sống hằng ngày chúng ta muốn thể nhập vào trạng thái hưng phấn khi làm việc hay nhẹ nhàng thanh thản khi sắp đi ngủ thường khi không an trú dễ dàng như mong muốn. Một người chứng thiền ngược lại có thể xuất nhập các thiền chứng như ý do tinh luyện thuần thực.

Có sự khác biệt về phân chia thiền chứng theo Kinh Tạng và Thắng Pháp Tạng. Kinh Tạng đề cập bốn thiền chứng dựa theo cõi hay cảnh giới tái sinh trong lúc Thắng Pháp Tạng đề cập năm thiền y cứ trên định tâm có chi tầm và chi tứ (sơ thiền) hoặc chỉ có chi tứ mà không có chi tầm (nhị thiền). Thắng Pháp cũng chỉ nói về bốn cõi sơ thiền, nhị thiền, tam thiền, tứ thiền chứ không nói về cõi ngũ thiền (...).

Ngày nay người Phật tử Việt Nam thường dùng chữ “hành thiền” nhưng rất ít khi tập thiền đúng nghĩa là samatha. Nếu nói cho đúng nghĩa thì sự hành thiền phải gọi là “tu tập định học tăng thượng (*samādhī*)” bao gồm sự huân tu chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Và khi người ta dùng chữ “thiền môn” hay cửa thiền để chỉ cho chùa chiền thì hàm ý là nơi tu tập nội tâm một cách tổng quát chứ không nhất thiết là nơi tu thiền jhāna.

Bàn về thiền theo ý nghĩa chuyên môn chuẩn xác nhất là theo Thắng Pháp thì thật không có ... thiền vị.